

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **09/2021/DS-ST**
Ngày : 31/3/2021
V/v: “*Tranh chấp đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự ký gửi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Tiến D**, sinh năm 1975, bà **Phan Quỳnh G**, sinh năm 1989. Nơi đăng ký HKTT: Thôn T2, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Thôn 14, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hồ Thị P**, sinh năm 1975. Địa chỉ: 161A Nguyễn Văn Cừ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:* Ông **Hoàng Hòa H**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H có mặt, bà P và ông H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà H trình bày: Vợ chồng bà H, ông H không có quan hệ họ hàng thân thích gì với vợ chồng ông D, bà G. Vợ chồng bà có vườn cà phê tại xã Lộc Đức, gần thôn 14, xã Lộc Ngãi nơi vợ chồng ông D kinh doanh buôn bán cà phê và phân bón (DNTN V)

nên vợ chồng bà H quen biết, bán cà phê và mua phân bón nhiều năm với nhau. Nhiều lần vợ chồng bà H gửi cà phê thì ông D cho xe tải tới vườn chở, có ghi giấy xác nhận, không có hợp đồng. Khi nào bà H cần bán (bán số lượng bao nhiêu cũng được) thì đến đại lý hoặc điện thoại cho ông D chốt giá cà phê bao nhiêu với số lượng muốn bán thành tiền, ông D có trách nhiệm thanh toán cho bà H. Vợ chồng bà H cũng có thể mua lại phân bón từ đại lý ông D. Ngày 05/02/2020 vợ chồng bà H gửi tại đại lý ông D số lượng 7.815,8 kg cà phê nhân Robusta chất lượng chuẩn (độ ẩm 15%, tạp chất 1%). Ông D trực tiếp viết biên nhận, ký tên, đóng dấu để xác nhận nợ. Đến tháng 3/2020 vợ chồng bà H có liên lạc với ông D để chốt giá bán số cà phê đã gửi nhưng không được do giá cà phê là 32.000 đồng/kg nhưng ông D chỉ đồng ý giá 31.000 đồng/kg và khất lần, cuối cùng hai bên cũng chưa chốt được giá bán và chưa tính ra được thành tiền toàn bộ số cà phê nhân đã gửi. Từ đó đến nay vợ chồng ông D bế nợ không kinh doanh nữa, bà H đã liên lạc nhiều lần để đòi nợ nhưng không được, không trả số lượng cà phê nhân như trên cho vợ chồng bà. Bà P (người ủy quyền của ông D, bà G) cũng thừa nhận có nợ số cà phê này.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà G trả lại cho vợ chồng bà H 7.815,8 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15%. Đồng thời bà H trình bày bà không thừa nhận việc vợ chồng ông D cho rằng có nợ số cà phê nhân như trên nhưng vợ chồng bà đã mua phân bón từ đại lý đã cân trừ xong. Thời gian bà gửi cà phê vào đại lý đã giáp tết nguyên đán 2020, qua tết vợ chồng ông D bế nợ không kinh doanh nữa nên không có việc bà lấy phân bón để cân trừ.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2020 và các lời khai khác tại Tòa án, bà P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Vợ chồng ông D đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm thụ lý giải quyết vụ án này. Trước đây vợ chồng ông D, bà G có kinh doanh cà phê, phân bón tại thôn 14, xã L, huyện B (tên gọi DNTN V). Vợ chồng ông D thừa nhận có nhận của vợ chồng bà H 7.815,8 kg cà phê nhân chất lượng chuẩn là đúng. Tuy nhiên bà P cho rằng vợ chồng bà H đã ra đại lý của ông D lấy phân bón và trừ hết số lượng cà phê như trên, hiện nay sổ sách lấy phân bón chưa tìm thấy được. Giữa vợ chồng ông D với vợ chồng bà H không còn nợ nần gì, vì vậy vợ chồng ông D không đồng ý trả cà phê theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan ông H thống nhất như lời trình bày của bà H. Ông yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà G trả cho vợ chồng ông 7.815,8 kg cà phê nhân Robusta chất lượng chuẩn (độ ẩm 15 %, tạp chất 1%).

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/11/2020, 16/12/2020, 06/01/2021 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay bà H có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, bà P, ông H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc vợ chồng ông D, bà G có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà H, ông H 7.815,8 kg cà phê nhân tạp chất 1%, độ ẩm 15%. Về án phí cần buộc ông D, bà G chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị P, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan ông Hoàng Hòa H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn vợ chồng ông Trần Tiến D, bà Phan Quỳnh G có hộ khẩu thường trú tại Thôn T2, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên khi thành lập DNTN V (ông D là chủ doanh nghiệp) thì có đại lý kinh doanh cà phê, phân bón tại thôn 14, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Tại thời điểm bà H gửi cà phê nhân thì ông D đang kinh doanh tại địa chỉ này. Ngày 23/11/2020 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Hồ Thị P cũng đồng ý đề Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông D, bà G phải trả cho vợ chồng bà H, ông H 7.815,8 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15 %. Vì vợ chồng bà H có gửi cho DNTN V (do ông D là chủ sở hữu) số cà phê trên, khi nào cần bán thì chốt giá bán tính thành tiền và ông D, bà G có trách nhiệm trả tiền. Tuy nhiên đến nay giữa vợ chồng bà H và vợ chồng ông D chưa chốt được giá bán, chưa xác định được số tiền, vợ chồng ông D cũng chưa trả lại số lượng cà phê trên cho vợ chồng bà H nên bà H khởi kiện đòi lại cà phê. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “kiện đòi tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Vợ chồng bà H, ông H có mối quan hệ quen biết nên bán cà phê nhân, mua phân bón nhiều năm của DNTN V (ông D là chủ sở hữu) do vợ chồng ông D, bà G kinh doanh tại thôn 14, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại “Hóa đơn bán lẻ phân” ghi ngày 05/02/2020 thể hiện bà H, ông H có gửi cho đại lý của ông D 7.815,8 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15%, ông D ký tên, đóng dấu doanh nghiệp xác nhận số nợ cà phê trên, bà P cũng thừa nhận số nợ cà phê trên là đúng. Vợ chồng bà H gửi cà phê cho vợ chồng ông D là để bán, khi nào muốn bán thì đến đại lý hoặc điện thoại chốt giá, nhân với số lượng cà phê muốn bán thành tiền, ông D có trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng bà H. Tuy nhiên đến nay giữa vợ chồng bà H với vợ chồng ông D chưa thống nhất được giá bán cà phê để tính thành tiền buộc phải thanh toán, do vợ chồng ông D không còn kinh doanh cà phê nữa. Vì vậy việc bà H khởi kiện buộc vợ chồng ông D, bà G trả lại 7.815,8 kg cà phê nhân chất lượng chuẩn là có căn cứ và được chấp nhận. Mặc dù giấy xác nhận nợ cà phê chỉ có ông D ký tên đóng dấu xác nhận nhưng khi gửi cà phê thì vợ chồng ông D, bà G đang cùng kinh doanh cà phê và phân bón tại thôn 14, xã L, huyện B, cùng hưởng lợi và đang là vợ chồng, vì vậy cần buộc bà G phải liên đới cùng với ông D có trách nhiệm trả khoản nợ cà phê nhân trên cho vợ chồng bà H là có cơ sở. Bà P thừa nhận vợ chồng ông D có nợ số cà phê nhân như trên của vợ chồng bà H là đúng tuy nhiên cho rằng vợ chồng bà H đã mua phân bón và cần trừ nợ xong, hai bên không còn nợ nần gì. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc lấy phân bón trừ nợ của vợ chồng bà H nên không có cơ sở được chấp nhận. Vì vậy cần buộc vợ chồng ông D, bà G có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà H, ông H 7.815,8 kg cà phê nhân Robusta, tạp chất 1%, độ ẩm 15 %.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn vợ chồng ông D, bà G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 12.270.806 đồng (245.416.120 đồng x 5%, tính giá cà phê tại thời điểm xét xử là 31.400 đồng/kg).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 163, 164, 166, 274, 275 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H đối với vợ chồng ông Trần Tiến D, bà Phan Quỳnh G về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Buộc vợ chồng ông Trần Tiến D, bà Phan Quỳnh G phải trả cho vợ chồng bà Võ Thị Thu H, ông Hoàng Hòa H 7.815,8 (*bảy nghìn tám trăm mười lăm phẩy tám*) kilôgam cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15%.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Trần Tiến D, bà Phan Quỳnh G phải nộp 12.270.806 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thu H số tiền 5.749.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0019809 ngày 13/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy